TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ -ST
Ngày: 26/01/2024
Về việc "Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Trương Văn Ánh
2/ Ông Nguyễn Ngọc Tòng
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 228/2023/TLST – HNGĐ ngày 21/11/2023, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 04/2024/QĐST – HNGĐ ngày 11/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tố N, sinh năm 1994 (xin vắng)
Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1989
Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai đề ngày 14/8/2023 chị Nguyễn Thị Tố N trình bày: Vào năm 2012, chị Nguyễn Thị Tố N và anh Lê Văn B cưới nhau, hôn nhân do quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý. Anh chị có tổ chức lễ cưới. nữ trang cưới gồm 1 đôi bông hoa tai 0,5 chỉ vàng 24k, vợ chồng đã bán tiêu xài hết. Vợ chồng anh chị đến Ủy ban nhân dân xã Thành Trung, huyện Bình Tân, Vĩnh Long đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/4/2012.

Sau ngày cưới vợ chồng sống bên gia đình chị N tại ấp T, xã T, huyện B, Vĩnh Long. Vợ chồng sống rất hạnh phúc và có sinh được 2 đứa con chung tên Lê Nguyễn Huỳnh P, sinh ngày 4/7/2012; Lê Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 7/9/2017, hiện các cháu đang sống với chị N.

Về tài sản chung: trong thời gian chung sống vợ chồng không có tạo ra tài sản chung. Vợ chồng không thiếu nợ ai.

Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mỗi người có một quan điểm sống, không ai nhường nhịn nhau dẫn đến mâu thuẫn với nhau đến mức trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Vợ chồng đã nhiều lần khuyên bảo nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Nay chị Nguyễn Thị Tố N yêu cầu như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tố N xin ly hôn anh Lê Văn B.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tố N yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Lê Nguyễn Huỳnh P, sinh ngày 4/7/2012; Lê Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 7/9/2017, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Anh Lê Văn B vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn, nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét đơn xin vắng mặt của chị Nguyễn Thị Tố N ngày 21/11/2023. Lý do: đi làm xa và công ty nên không thể dự các phiên hoà giải và phiên toà xét xử là đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Xét Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử anh Lê Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Lê Văn B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012, chị Nguyễn Thị Tố N và anh Lê Văn B cưới nhau, hôn nhân do quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý. Anh chị có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng anh chị đến Ủy ban nhân dân xã Thành Trung, huyện Bình Tân, Vĩnh Long đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết

hôn vào ngày 18/4/2012 đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mỗi người có một quan điểm sống, không ai nhường nhịn nhau dẫn đến mâu thuẩn với nhau đến mức trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Anh chị không dung hòa được tình cảm vợ chồng, không hàn gắn được hạnh phúc gia đình. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị N không còn mong muốn cùng anh B xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Nên chị N xin ly hôn. Xét yêu cầu của chị N là có cơ sở nên áp dụng Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Chị Nguyễn Thị Tố N được ly hôn anh Lê Văn B.

[4]Xét về con chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Tố N và anh Lê Văn B có sinh được 2 đứa con chung Lê Nguyễn Huỳnh phương, sinh ngày 4/7/2012; Lê Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 7/9/2017, hiện các cháu đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Xét để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của cháu P và N1 không bị thay đổi nên để chị N tiếp tục nuôi các cháu là phù hợp với nguyện vọng của chị N và các cháu. Chị N chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc và không trái pháp luật. Xét yêu cầu của chị N là có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Chị Nguyễn Thị Tố N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Huỳnh P, sinh ngày 4/7/2012; Lê Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 7/9/2017, chị N chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn B được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của của anh B

[5] Về quan hệ tài sản: trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Tố N và anh Lê Văn B không có tạo ra tài sản chung. Vợ chồng không thiếu nợ ai. Do đó chị chị Nguyễn Thị Tố N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị chị Nguyễn Thị Tố N nộp 300.000 đồng, chị N được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N$_{o}$ 0013204 ngày 21/11/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tố N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tố N được ly hôn anh Lê Văn B.

2/ Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tố N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Huỳnh P, sinh ngày 4/7/2012; Lê Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 7/9/2017, chị N chưa yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn B được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của của anh B

3/ Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị chị Nguyễn Thị Tố N nộp 300.000 đồng, chị N được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N$_{o}$ 0013204 ngày 21/11/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án xử công khai chị Nguyễn Thị Tố N vắng mặt và anh Lê Văn B vắng mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi thường trú.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- UBND xã Thành Trung;
Huyện Bình Tân, Vĩnh Long;
- các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thành Tựu